

Số: /TM- TTYT

Liên Chiểu, ngày tháng 03 năm 2023

THƯ MỜI

V/v mời chào giá hóa chất, vật tư y tế sinh phẩm tại Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu năm 2023

Kính gửi: Quý Công Ty

Hiện nay, Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu có nhu cầu mua sắm bổ sung một số hóa chất, vật tư y tế phục vụ nhu cầu điều trị tại bệnh viện năm 2023.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm, Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu kính mời các Quý công ty khảo sát và báo giá mặt hàng sau đây (*Danh mục hàng hóa đính kèm tại phụ lục*)

- Công ty tham gia chào giá phải ghi rõ tên đơn vị nhận báo giá, tên công ty chào giá, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, ngày chào giá, hiệu lực của bảng chào giá, mức thuế VAT đối với từng mặt hàng và các chế độ bảo trì kèm theo (nếu có).

- ***Lưu ý không thay đổi tên hàng hóa trong bảng chào giá (Nếu thay đổi tên hàng hóa thì xem như mặt hàng đó không hợp lệ, chỉ được điền và thay đổi các cột thông tin hàng hóa tham khảo) và giá chào phải quy theo đơn vị tính đơn vị yêu cầu.***

- Đối với hàng hóa thuộc trang thiết bị y tế phân loại B, C, D các công ty phải nộp kèm theo giấy đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế B, C, D. Đối với hàng hóa thuộc trang thiết bị y tế phân loại A, nếu công ty không có giấy đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế B, C, D thì phải có bảng phân loại đi kèm chứng minh. Đối với hàng hóa thông thường các công ty chào giá nộp kèm giấy phép kinh doanh.

- Bảng chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm kín miệng bao để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc chào giá.

- Ghi rõ nội dung ngoài phong bì để tiện theo dõi.

- Thời gian nộp chào giá: Hạn cuối lúc 16h00 ngày 04/04/2023

- Nơi nhận: Khoa Dược – TTB – VTYT, Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu. Địa chỉ: 525 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Rất mong sự hồi đáp của Quý công ty.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đại Vĩnh

PHỤ LỤC DANH MỤC HÓA CHẤT VẬT TƯ Y TẾ MUA SẴM BỔ SUNG
 (Đính kèm Thư mời chào giá số /TM- TTYT ngày tháng 04 năm 2023 của Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu)

NHÀ THẦU KHÔNG CHỈNH SỬA PHẦN NÀY					Thông tin hàng hóa						
STT	Tên sản phẩm	Phân nhóm	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Tên thương mại	Hãng sản xuất/ Nước Sản Xuất	Đơn giá	Quy cách	Mã hàng hóa	Mã kê khai	Giá kê khai
1	Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Nhóm 4	Dung dịch dùng để pha loãng sử dụng cho máy huyết học tự động XP -100 Thành phần: Sodium Chlorride 6.38 g/l, Boric Acid 1 g/l, Sodium Tetraborate 0.2 g/l, EDTA-2K 0.2 g/l	Lít							
2	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Nhóm 4	Dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu sử dụng cho máy huyết học tự động XP -100 Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8,5g/L và sodium chloride 0.6g/L	ml							
3	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức thấp	Nhóm 3	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức thấp Thành phần: chứa tế bào hồng cầu, Bạch cầu, tiểu cầu và chất ổn định. Hạn sử dụng khi chưa mở nắp từ 2 tháng trở lên. Hạn sử dụng sau khi mở nắp từ 7 ngày trở lên với lọ tối đa 1.5ml, hoặc từ 14 ngày trở lên với lọ đóng gói hơn 1.5 ml. Quy cách đóng gói 1 lọ phù hợp với nhu cầu sử dụng của đơn vị: 1 lọ không quá 2.5ml.	ml							
4	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức trung bình	Nhóm 3	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức trung bình Thành phần: chứa tế bào hồng cầu, Bạch cầu, tiểu cầu và chất ổn định. Hạn sử dụng khi chưa mở nắp từ 2 tháng trở lên. Hạn sử dụng sau khi mở nắp từ 7 ngày trở lên với lọ tối đa 1.5ml, hoặc từ 14 ngày trở lên với lọ đóng gói hơn 1.5 ml. Quy cách đóng gói 1 lọ phù hợp với nhu cầu sử dụng của đơn vị: 1 lọ không quá 2.5ml.	ml							
5	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức cao	Nhóm 3	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức cao Thành phần: chứa tế bào hồng cầu, Bạch cầu, tiểu cầu và chất ổn định. Hạn sử dụng khi chưa mở nắp từ 2 tháng trở lên. Hạn sử dụng sau khi mở nắp từ 7 ngày trở lên với lọ tối đa 1.5ml, hoặc từ 14 ngày trở lên với lọ đóng gói hơn 1.5 ml. Quy cách đóng gói 1 lọ phù hợp với nhu cầu sử dụng của đơn vị: 1 lọ không quá 2.5ml.	ml							

6	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Nhóm 1	Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học XP-100. Thành phần: Sodium Hypochlorite 5%.	ml								
7	Hoá chất điện giải	Nhóm 3	*Pack EasyLyte Na / K / Cl Solutions Pack sử dụng để định lượng nồng độ Natri (Na +), Kali (K +) và Clorua (Cl-) trong huyết thanh người, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu bằng Máy xét nghiệm điện giải EasyLyte plus hãng Medica.*Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl-; Buffer; Preservative; Wetting AgentStandard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl-; Buffer; Preservative; Wetting AgentWash Solution, 80mL0.1 mol/L Ammonium bifluorideWaste Container	Hộp								
8	Dung dịch chuẩn máy điện giải đồ	Nhóm 3	Dung dịch kiểm chuẩn test Na+, K+, Cl- gồm 2 mức bình thường và bất thường. Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản.	Hộp								
9	Dung dịch rửa máy điện giải đồ	Nhóm 3	Dung dịch làm sạch hàng ngày đường ống các máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ, 1 hộp gồm: - Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml HCl (0,1N) và muối - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ pepsin 0,5g.	Hộp								
10	Linh phụ kiện đi kèm máy xét nghiệm điện giải	Không Phân Nhóm	Hộp gồm: 1 đường ống bơm và 1 đường ống mẫu. Dùng cho máy điện giải EasyLyte Na/K/Cl	Hộp								
11	Thuốc thử xét nghiệm ALT (SGPT)	Nhóm 3	Hoá chất cho xét nghiệm định lượng ALT (SGPT) trong huyết thanh hoặc huyết tương. Sử dụng trên máy phân tích sinh hoá tự động nguyên lí so màu và đo miễn dịch độ đục. Ngưỡng đo tối thiểu 600 U/L. Độ ổn định của hoá chất trên máy ít nhất 6 tuần.	Test								
12	Thuốc thử xét nghiệm α -Amylase	Nhóm 3	Hoá chất cho xét nghiệm định lượng α -Amylase trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu. Sử dụng trên máy phân tích sinh hoá tự động nguyên lí so màu và đo miễn dịch độ đục. Ngưỡng đo tối thiểu 1500 U/L. Độ ổn định của hoá chất trên máy ít nhất 6 tuần.	Test								
13	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Nhóm 3	Hoá chất cho xét nghiệm định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu. Sử dụng trên máy phân tích sinh hoá tự động nguyên lí so màu và đo miễn dịch độ đục. Ngưỡng đo tối thiểu 30 mmol/L.	Test								

			Độ ổn định của hoá chất trên máy ít nhất 6 tuần.									
14	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol	Nhóm 3	Hoá chất cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương. Sử dụng trên máy phân tích sinh hoá tự động nguyên lí so màu và đo miễn dịch độ đục. Độ ổn định của hoá chất trên máy ít nhất 6 tuần.	Test								
15	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Nhóm 3	Dung dịch rửa (tính kiềm) sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động. Thành phần: Ethanol amine 8.0%.	ml								
16	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Nhóm 3	Dung dịch rửa (tính axit) sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động. Thành phần: Oxalic acid 6.2%.	ml								
17	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Nhóm 3	Hoá chất sử dụng trên máy phân tích sinh hoá bán tự động Humalyzer 3000 để xét nghiệm định lượng Glucose trong huyết thanh và huyết tương người. Thuốc thử sẵn dùng. Độ ổn định của hoá chất sau mở nắp hoặc độ ổn định của hoá chất trên máy ít nhất 8 tuần. Khoảng đo: 0.5- 27 mmol/L hoặc rộng hơn.	Hộp								
18	Thuốc thử xét nghiệm ALT (SGPT)	Nhóm 3	Hoá chất sử dụng trên máy phân tích sinh hoá bán tự động Humalyzer 3000 để xét nghiệm định lượng ALT (SGPT) trong huyết thanh và huyết tương người. Ngưỡng đo ≥ 500 U/L. Thuốc thử sẵn dùng. Độ ổn định của hoá chất sau mở nắp hoặc độ ổn định của hoá chất trên máy ít nhất 8 tuần.	Hộp								
19	Thuốc thử xét nghiệm AST (SGOT)	Nhóm 3	Hoá chất sử dụng trên máy phân tích sinh hoá bán tự động Humalyzer 3000 để xét nghiệm định lượng AST (SGOT) trong huyết thanh và huyết tương người. Ngưỡng đo ≥ 500 U/L. Thuốc thử sẵn dùng. Độ ổn định của hoá chất sau mở nắp hoặc độ ổn định của hoá chất trên máy ít nhất 8 tuần.	Hộp								
20	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol toàn phần	Nhóm 3	Hoá chất sử dụng trên máy phân tích sinh hoá bán tự động Humalyzer 3000 để xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người. Thuốc thử sẵn dùng. Độ ổn định của hoá chất sau mở nắp hoặc độ ổn định của hoá chất trên máy ít nhất 8 tuần.	Hộp								
21	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	Nhóm 3	Hoá chất sử dụng trên máy phân tích sinh hoá bán tự động Humalyzer 3000 để xét nghiệm định lượng Triglycerid trong huyết thanh và huyết tương người. Ngưỡng đo ≥ 11 mmol/L. Thuốc thử sẵn dùng. Độ ổn định của hoá chất sau mở nắp hoặc độ ổn định của hoá chất trên máy ít nhất 8 tuần.	Hộp								

22	Thuốc thử xét nghiệm Ure	Nhóm 3	Hoá chất sử dụng trên máy phân tích sinh hoá bán tự động Humalyzer 3000 để xét nghiệm định lượng Ure trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Thuốc thử sẵn dùng. Độ ổn định của hoá chất sau mở nắp hoặc độ ổn định của hoá chất trên máy ít nhất 8 tuần.	Hộp								
23	Thuốc thử xét nghiệm Creatinine	Nhóm 3	Hoá chất sử dụng trên máy phân tích sinh hoá bán tự động Humalyzer 3000 để xét nghiệm định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu. Thuốc thử sẵn dùng. Độ ổn định của hoá chất sau mở nắp hoặc độ ổn định của hoá chất trên máy ít nhất 3 tuần.	Hộp								
24	Hóa chất Anti Human Globulin (AHG)	Nhóm 3	Thành phần: Anti Human Globulin IgG	Hộp								
25	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Nhóm 6	Định tính kháng thể của virus viêm gan C trong huyết thanh hay huyết tương ở người - Độ nhạy tối thiểu: 99 % - Độ đặc hiệu tối thiểu: 99 % - Có khay thử	Test								
26	Dây Garo	Nhóm 6	Mục đích sử dụng: Garo được sử dụng để thắt mạch, hỗ trợ trong việc tìm mạch máu dễ dàng hơn. - Chất liệu: Thun cotton, có gai dán - Kích thước: Độ dài tối thiểu 28 cm.	Cái								
27	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng HIV	Nhóm 6	Test phát hiện định tính kháng thể kháng HIV týp 1 và 2 trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Độ nhạy >=99.5%. Độ đặc hiệu >=98%. Có khay thử.	Test								
28	Test nhanh Giang Mai	Nhóm 6	Định tính kháng thể kháng giang mai trong huyết thanh hay huyết tương người - Độ nhạy tương đối: 99.3 % - Độ đặc hiệu tương đối: 99.5 % - Có khay thử	Test								
29	Côn trám bít ống tủy nha khoa	Nhóm 6	Côn gồm nhiều kích cỡ và độ thuận khác nhau (dài 21, 25 mm...)	Cái								
30	Cone phụ B	Nhóm 6	Bao gồm nhiều kích thước tương ứng	Cái								
31	Thuốc trám bít ống tủy	Nhóm 6	Thành phần chính: Presnison Acetate.	hộp								
32	Chất bôi trơn ống tủy	Nhóm 6	Loại bỏ các chất vô cơ bằng EDTA-Ca+	tuýp								
33	Eugenol	Nhóm 6	Thành phần chính: Eugenol	lọ								

34	Kẽm oxit	Nhóm 6	Không chứa thạch tín, là oxide kẽm nguyên chất dùng trám tạm.	hộp									
35	Canxi hydroxit	Nhóm 6	Calcium Hydroxid bột	hộp									
36	Vật liệu trám	Nhóm 3	Vật liệu trám có cản quang glass ionomer chứa strontium độ cứng cao, đặc tính đông nhanh.	hộp									
37	Keo dán men ngà 2 bước	Nhóm 6	Keo nha khoa dùng trong trám răng. Độ bền dán ổn định. Chịu độ ẩm cao, cho phép dán ổn định lên cả ngà khô và ẩm.	Hộp									
38	Chất xoi mòn men ngà	Nhóm 6	Etching dạng gel chứa H3(PO)4 và thành phần polymer hoặc tương đương.	tuýp									
39	Canxi quang trùng hợp	Nhóm 6	thành phần calcium hydroxide	tuýp									
40	Mũi nạo ngà tay chậm	Nhóm 6	bao gồm các kích cỡ 22MM,28MM,34MM SIZE 1/2-8	Cái									
41	Xịt tay khoan	Nhóm 6	Dầu xịt tay khoan dùng để bôi trơn tay khoan các loại - Chất liệu: Dầu bảo dưỡng sinh học, hạt mịn. - Cấu tạo: Chai dạng xịt kèm đầu xịt	chai									
42	Bơm tiêm nhựa 1ml có kim, sử dụng 1 lần	Nhóm 6	Bơm tiêm nhựa 1ml có kim, cỡ kim 23G, 25G, 26 G, 30G. Thép không gỉ.	Cái									
43	Kim khâu các cỡ	Nhóm 6	Kim khâu tròn, tam giác các cỡ. Chất liệu thép không gỉ các cỡ.	Cái									
44	Nẹp cổ cứng các cỡ	Nhóm 5	Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Hỗ trợ sơ cứu chấn thương đốt sống cổ, treo cổ hoặc căng cổ quá mức, hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ. Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S, M, L.	Cái									
45	Ống nghiệm thủy tinh	Không Phân Nhóm	Chất liệu: Thủy tinh, nhiều kích thước(Tối thiểu size Ø16mm – chiều dài 160mm – độ dày 0.8mm)	Cái									
46	Dây điện châm	Không Phân Nhóm	1 zắc cắm tròn và 02 đầu kẹp	Cái									
47	Kim chích máu	Nhóm 6	Kim chích máu dạng dẹt, nguyên liệu thép không gỉ, đầu mũi kim được vát nhọn, sắc, đóng gói và tiệt trùng từng cây.	Cái									
48	Cồn tuyệt đối	Nhóm 6	Thành phần: Ethanol >= 99%	Lít									